

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 23

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
							209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V
								Nhóm bắt buộc tự chọn	14	2		
								Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
20	08224156	TRẦN ĐOAN	PHI	TC08QLKH	128.0	6.15		Nhóm bắt buộc tự chọn	5	3		
21	08224164	TRẦN THỊ BÍCH	SEN	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V
							202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V
							202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
							202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
							202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V
							208110	Kinh tế vi mô 1	3		092	V V
							209101	Trắc địa đại cương	3		101	V
							209102	Trắc địa địa chính	3		111	V
							209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V
							209110	Bản đồ học	3		101	V V
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V
							209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 24

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		112	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 25

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
22	08224172	LÊ HOÀNG NGỌC THẢO	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 26

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
23	08224173	NGUYỄN THỊ THẢO	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 27

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 28

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
24	08224166	HỨA TRƯƠNG THÀNH THẮNG	TC08QLKH	3.0	0.18	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 29

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		112	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
25	08224167	NGUYỄN VĂN THẮNG	TC08QLKH	130.0	6.23	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V V
26	08224176	PHAN HUY THOM	TC08QLKH	129.0	6.18	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	4 V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1		
27	08224181	TRẦN MINH TỊNH	TC08QLKH	77.0	3.93	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	2 4
						202121	Xác suất thống kê	3		092	4 4
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V V	
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V V	
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	4 V	
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	9		2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10		3		
28	08224185	ĐINH XUÂN	TRƯỜNG	TC08QLKH	131.0	6.32	202622	Pháp luật đại cương	2		092	4 V
29	08224190	NGUYỄN THANH	TUẤN	TC08QLKH	127.0	6.05	209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1	3	121	4
						Nhóm bắt buộc tự chọn	5					
30	08224193	LÊ NGỌC	TUỆ	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5	091		V V	
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	091		V	
						202114	Toán cao cấp C1	3	082		V V	
						202115	Toán cao cấp C2	3	091		V V	
						202121	Xác suất thống kê	3	092		V V	
						202622	Pháp luật đại cương	2	092		V V	
						208109	Kinh tế vi mô 1	3	091		V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 31

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 32

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK			
						213602	Anh văn 2	5		091	V			
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V		
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V		
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1					
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2					
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3					
31	08224197	LÊ ĐỖ KHẮC	VINH	TC08QLKH	88.0	4.20	202121	Xác suất thống kê	3		092	1	3	
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V	
							209210	Định giá đất đai	2		112		0	
							209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V	
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		112	V	V	
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V	
							209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V		
							209408	Thanh tra đất đai	2		111		4	V
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112		3	V
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121		3	
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121		V	
								Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1				
								Nhóm bắt buộc tự chọn	5	2				
								Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3				

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 6 TC (Min)

0101.	202609 Logic học	2
	202621 Xã hội học đại cương	2
	202625 Địa lý tự nhiên	2
	208102 Địa lý kinh tế	2
	208211 Kinh tế lượng căn bản	3
	208231 Nguyên lý thống kê kinh tế	3
	212110 Khoa học môi trường	2

Nhóm TC 2: 18 TC (Min)

0201.	204306 Nông học đại cương	2
	209103 Trắc địa công trình	3
	209106 Trắc địa ảnh hàng không	3
	209108 Viễn thám ứng dụng	2
	209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3
	209112 Bản đồ địa hình	2
	209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2
	209203 Thị trường bất động sản	2
	209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209303 Phân hạng đất	2
	209304 Quy hoạch tổng thể KT-XH	2
	209310 Quản lý nguồn nước	2
	209311 Lập luận chứng KT-KT	2
	209312 QH xây dựng nông thôn mới	2
	209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2
	209314 Hệ thống nông nghiệp	2
	212507 Đánh giá tác động môi trường	2

Nhóm TC 3: 10 TC (Min)

0301.	209123 Trắc địa - Bản đồ	2
	209315 Quy hoạch	3
	209911 Khóa luận tốt nghiệp	10
	209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5

In Ngày 03/10/14

TP.HCM, Ngày 03 tháng 10 năm 2014
Người lập biểu